

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2022/DS-PT

Ngày: 16-12-2022

V/v: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 191/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022; về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện PT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2022/QĐPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1970 nơi cư trú: Ấp VT, xã VB, huyện VT, Thành phố CT.

Nơi công tác: Trường tiểu học VB 1, ấp VL, xã VB, huyện VT, Thành Phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Tuyết M: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1997; nơi cư trú: phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang làm đại diện theo ủy quyền văn bản ủy quyền số 29/06/2021;

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Trần Thị Th (C), sinh năm 1972

2.2. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1967.

Cùng cư trú: Khóm PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Th, ông M: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963; nơi cư trú: đường X, xóm ML, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang là đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 01/4/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M do ông Nguyễn Phước H đại diện trình bày:

Từ ngày 04/12/2019 đến ngày 22/7/2020, bà Tuyết M có cho vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Trần Thị Th vay không lãi nhiều lần số tiền 439.200.000 đồng, thông qua dịch vụ chuyển tiền nhanh của thế giới di động, điện máy xanh, cửa hàng Viettel và đưa tiền mặt cụ thể:

* Bà Tuyết M chuyển tiền cho ông Phạm Văn M như sau:

- + Ngày 04/12/2019 chuyển 5.000.000 đồng
 - + Ngày 08/12/2019 chuyển 11.000.000 đồng
 - + Ngày 18/12/2019 chuyển 8.000.000 đồng
 - + Ngày 20/12/2019 chuyển 2 lần: (lần 1) 15.000.000 đồng và (lần 2) 3.000.000 đồng
 - + Ngày 29/12/2019 chuyển 9.000.000 đồng
 - + Ngày 01/01/2020 chuyển 9.000.000 đồng
 - + Ngày 02/02/2020 chuyển 2 lần: lần 1 là 19.000.000 đồng và lần 2 là 15.000.000 đồng
 - + Ngày 05/03/2020 chuyển 10.000.000 đồng
 - + Ngày 11/3/2020 chuyển 10.000.000 đồng
 - + Ngày 23/04/2020 chuyển 6.500.000 đồng
 - + Ngày 07/5/2020 chuyển 2.400.000 đồng
 - + Ngày 30/05/2020 chuyển 14.600.000 đồng
 - + Ngày 03/6/2020 chuyển 24.000.000 đồng
 - + Ngày 04/6/2020 chuyển 7.600.000 đồng
 - + Ngày 11/6/2020 chuyển 9.500.000 đồng
 - + Ngày 12/6/2020 chuyển 9.500.000 đồng
 - + Ngày 16/06/2020 chuyển 10.000.000 đồng
 - + Ngày 19/06/2020 chuyển 10.000.000 đồng
 - + Ngày 25/06/2020 chuyển 5.200.000 đồng
 - + Ngày 05/07/2020 chuyển 10.000.000 đồng
 - + Ngày 19/07/2020 chuyển 13.200.000 đồng
 - + Ngày 22/07/2020 chuyển 5.000.000 đồng
- Cộng 22 chứng từ với số tiền 263.700.000 đồng.

Bà Tuyết M cho ông M vay đưa tiền mặt, không có chứng từ như sau:

+ Ngày 15/04/2020 (Âm lịch): tại đường lộ mới chạy ra chợ Thới Bình, bà Tuyết M có đưa cho ông Phạm Văn M mượn 32.000.000 đồng.

+ Tại quán café Lan Anh dưới chân cầu Vàm Cống, bà Tuyết M có đưa cho vợ chồng ông M và bà Th 4 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 40.000.000 đồng.

Tiền mượn không có chứng từ là 72.000.000 đồng.

Bà Tuyết M cho ông M vay tiền có chứng từ và không có chứng từ là 335.700.000 đồng.

*Những lần bà Tuyết M chuyển tiền cho bà Trần Thị Th cụ thể như sau:

+ Ngày 19/02/2020: 15.000.000 đồng

+ Ngày 18/03/2020: 11.000.000 đồng

+ Ngày 29/04/2020: 4.300.000 đồng

+ Ngày 16/05/2020: 6.000.000 đồng

+ Ngày 24/05/2020: 12.200.000 đồng

+ Ngày 01/06/2020: 10.000.000 đồng

+ Ngày 23/06/2020: 10.000.000 đồng

Cộng 07 chứng từ với số tiền 68.500.000 đồng

Và những lần bà Tuyết M cho bà Th vay tiền không có chứng từ:

+ Một lần tại nhà bà Tuyết M đưa cho Th mượn số tiền 20.000.000 đồng (không nhớ, ngày, tháng, năm)

+ Một lần tại Đình Thần Thốt Nốt, rồi đến quán mì cay ngang cổng trường THCS Thốt Nốt, bà Tuyết M đưa cho vợ chồng ông M và bà Th mượn số tiền 15.000.000 đồng.

Tiền mượn không có chứng từ là 35.000.000 đồng.

Bà Tuyết M cho bà Th vay tiền có chứng từ và không có chứng từ là 103.500.000 đồng.

Sau khi cho vay số tiền trên thì bà Tuyết M nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông M, bà Th trả nợ nhưng ông M bà Th không trả. Ông M, bà Th vay tiền của bà Tuyết M để làm gì bà Tuyết M không rõ. Nay bà Tuyết M yêu cầu vợ chồng ông M, bà Th liên đới trả số tiền vay tổng cộng 439.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phạm Văn M, bà Trần Thị Th do ông Lê Hữu Đ đại diện trình bày:

Vợ chồng ông M và bà Th quen biết với bà Tuyết M thông qua việc ông M với bà Tuyết M là đồng hương và ông M trong khoảng thời gian sinh sống tại quê nhà, ông M là mạnh thường quân và thường xuyên giúp đỡ cho Trường Tiểu học VB1, xã VB, huyện VT, Thành Phố Cần Thơ do bà Tuyết M làm hiệu Trưởng. Nên

từ đó họ có mối quan hệ thân thiết với nhau và bà Tuyết M thường xuyên đến nhà vợ chồng bà Th và ông M chơi. Khoảng đầu năm 2019, bà Th có tổ chức chơi số đề, còn bà Tuyết M là người tham gia đánh số đề nhưng đa số là không trúng số đề.

Đến khoảng tháng 11/2019, bà Th thấy bà Tuyết M thua số rất nhiều tiền nên bà Th có ý muốn giúp đỡ cho bà Tuyết M thắng lại số tiền đã thua số đề, nên bà Th rủ bà Tuyết M hùn cùng với bà làm thầu số đề, thì bà Tuyết M đồng ý cùng làm thầu số. Tuy nhiên, sau đó việc làm thầu số đề không có lợi nhuận mà thường xuyên bị thua lỗ. Khi bà Th và bà Tuyết M thống nhất cùng hùn làm thầu số đề thì cũng thống nhất mỗi ngày nhận phoi đề, nếu có lời thì chia đôi, nếu lỗ thì hai người cùng chịu. Từ đó, bà Tuyết M đã chuyển tiền cho ông M, bà Th rất nhiều lần để cùng nhau chi trả cho những người trúng số đề. Bà M chuyển tiền nhiều lần cho ông M, bà Th là tiền hùn vốn làm ăn hoàn toàn không có tiền vay hay tiền mượn gì cả. Nay, ông M và bà Th không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết M.

Lời khai của người làm chứng:

Bà Trần Thị Thu Ng trình bày: Bà không bà con, họ hàng với bà Th, bà Tuyết M, là người cùng xóm với bà Th. Bà là người bán số đề từ năm 2017 đến năm 2019 thì nghỉ do bị Công an Chợ Vàm xử phạt hành chính với số tiền 15.000.000đồng, bà Th, Tuyết M đưa tiền cho bà Ng nộp phạt. Không nhớ ngày tháng năm nhưng có lần khoảng 10 giờ sáng, tại nhà bà Th, bà Ng có gặp bà Tuyết M do lúc đó ghi nhầm số nên bà Th, bà M kêu bà Nga lấy phoi đề ra để đối chiếu lại, từ đó bà Ng mới biết mặt bà M.

Một lần nữa, không nhớ ngày, tháng, năm bà Ng đến nhà bà Th nộp phoi, do bà Th bận nên bà Tuyết M đếm tiền và nhận phoi. Bà Ng đến nhà bà Th nộp phoi hằng ngày đều thấy bà M ở đó.

Do bận công việc nhà, xin được vắng mặt trong các lần Tòa án mời làm việc, công bố chứng cứ, hòa giải, đối chất cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Ông Trần Hoài V trình bày: Ông V không bà con họ hàng với bà Th, bà Tuyết M, chỉ là người cùng xóm, bà Th là người vay tiền của ông V nên ông V thường xuyên lại nhà bà Th lấy tiền lãi và cũng biết việc bà Th, bà M hùn vốn làm thầu đề. Ông V cho bà Th vay tiền từ 10 triệu đến 20 triệu lãi suất đóng hằng ngày, một tuần phải trả lại tiền vốn. Do ông V thường xuyên lại nhà bà Th lấy tiền lãi, thỉnh thoảng bà M, bà Th có than dạo này làm số không có lời hẹn ngày sau trả tiền lãi, nên ông V biết mặt bà M và có khuyên hai người đừng làm số nữa. Do bận công việc nên xin được vắng mặt trong các lần Tòa án mời làm việc, công bố chứng cứ, hòa giải, cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 188.500.000đồng, do khi khởi kiện bà M tính trùng lặp các phiếu chuyển tiền và các lần đưa tiền không có chứng từ; chỉ yêu cầu ông M, bà Th liên đới trả số tiền vay 250.700.000 đồng. Đại diện bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:168/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với số tiền 188.500.000đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với bị đơn ông Phạm Văn M và bà Trần Thị Th về hợp đồng vay tài sản

Buộc ông Phạm Văn M và bà Trần Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 250.700.000đồng (hai trăm năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo; thời hạn yêu cầu thi hành án dân sự của các đương sự.

Ngày 22/8/2022, bị đơn bà Trần Thị Th, ông Phạm Văn M kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông M, bà Th giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cam kết không cung cấp chứng mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa; xét thấy, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả: 250.700.000đồng là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Phạm Văn M, bà Trần Thị Th nộp đơn kháng hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn đều hợp lệ, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Văn M, bà Trần Thị Th thì thấy;

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tuyết M chỉ yêu cầu ông M, bà Th trả số tiền 250.700.000 đồng; chứng cứ bà Tuyết M đưa ra là sổ mượn tiền có tên Phạm Văn M, Trần Thị Th thông qua dịch vụ chuyển tiền cùng các chứng từ chuyển; biên nhận nhận tiền kèm theo; đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận vợ chồng ông M, bà Th có nhận tiền của nguyên đơn; đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Lý do, bị đơn đưa ra rằng sở dĩ nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn số tiền nhiều lần như vậy, là do hùn vốn làm thầu đề; nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận;

Tại công văn số 16/TA-CV ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT; đề nghị làm rõ hành vi đánh bạc trong giao dịch chuyển tiền và giao nhận tiền giữa bà Tuyết M với vợ chồng ông M, bà Th;

Tại Thông báo số 21/TB- CQCSĐT ngày 04/7/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PT đã ra Quyết định không khởi tố; lý do “Hành vi không cấu thành tội phạm” (BL 198);

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình; Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát;

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Phạm Văn M, bà Trần Thị Th kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn M, bà Trần Thị Th;

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với số tiền 188.500.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với bị đơn ông Phạm Văn M và bà Trần Thị Th về hợp đồng vay tài sản

Buộc ông Phạm Văn M và bà Trần Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 250.700.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bà Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án, ông M, bà Th không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn M và bà Trần Thị Th phải chịu 12.535.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải chịu án phí. Trả lại bà M số tiền tạm ứng án phí 10.780.000 đồng (mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003916 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông M, bà Th phải mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005413 ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, như vậy ông Th, bà M còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PT;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng (1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn

